



TIỂU LUẬN

NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KIẾN TRÚC NHÀ Ở DÂN GIAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT

Trần Thị Quế Hà

Đại học Quốc gia Singapore



VNH3.TB3.132

NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KIẾN TRÚC NHÀ Ở DÂN GIAN TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT

Trần Thị Quế Hà

Đại học Quốc gia Singapore

1. Mở đầu

Cùng với tiến trình phát triển kinh tế và đô thị hoá nông thôn tại Việt Nam, một số lượng lớn di sản văn hoá vật thể có sở hữu tư nhân như nhà ở dân gian được xây dựng với vì kèo bằng gỗ đã và đang bị mất đi một cách nhanh chóng. Do đó, năm 1997 một chương trình “*Nghiên cứu điều tra nhà ở dân gian truyền thống trên toàn quốc Việt Nam*” đã được tiến hành giữa sự hợp tác của Cục di sản, Bộ Văn hoá Thông Tin và Trường đại học nữ Showa-Nhật Bản¹. Nhờ đó đã mở ra một cơ hội cho việc đào sâu nghiên cứu nhằm bảo tồn giá trị văn hóa kiến trúc của loại hình di sản này.

Kết quả của dự án nêu trên đã thu thập được tổng số 4287 ngôi nhà tại 10 tỉnh thành² (tính đến thời điểm năm 2002). Đến nay mặc dù đã có một số nghiên cứu về nhà ở dân gian đã được công bố, nhưng chưa có nghiên cứu nào được dựa trên một dữ liệu lớn cũng như không gian điều tra rộng và chi tiết, điều này đã thể hiện được giá trị khoa học của nghiên cứu này. Nhược điểm ở đây là mới chỉ tập

¹ Dự án này được thực hiện dưới sự hợp tác giữa các nhà chuyên môn phía Việt Nam và Nhật Bản. Cơ quan thực thi về phía Việt Nam là Trường ĐH kiến trúc Hà Nội, Trường ĐH xây dựng Hà Nội, Viện nghiên cứu kiến trúc – Bộ xây dựng, và Trường ĐH kiến trúc thành phố HCM cùng phối hợp với Cục di sản – Bộ Văn Hóa Thông Tin Việt Nam, Sở Văn Hóa Thông Tin và Bảo tàng tổng hợp của các địa phương. Về phía Nhật Bản gồm có Trường ĐH nữ Showa, Trường ĐH thành phố Tokyo, Trường ĐH Chiba, Trường ĐH tổng hợp Tokyo, Trường ĐH Waseda, Trường ĐH Nhật Bản, và Trường ĐH nghệ thuật Tokyo. Phương pháp của cuộc điều tra này được áp dụng mô hình của cuộc điều tra nhà ở dân gian trên toàn quốc Nhật Bản được tiến hành năm 1965 kết hợp với một số sửa đổi cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

² Các cuộc điều tra của dự án này được thực hiện dưới sự hỗ trợ kinh phí của chương trình nghiên cứu khoa học thuộc Bộ giáo dục Nhật Bản từ năm 1997-2001, đại diện của chương trình là GS. Kiyoshi HIRAI và GS. Hiromichi TOMODA. Mười tỉnh thành trên toàn quốc Việt Nam đã được hội đồng chuyên gia lựa chọn để tiến hành điều tra từ năm 1997-2002 là: Bắc Ninh, Hà Tây, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đồng Nai và Tiền Giang. Ở giai đoạn thứ nhất tại Bắc Ninh đã điều tra 729 nhà, Hà Tây 418 nhà, Nam Định 300 nhà, Thanh Hóa 350 nhà, Nghệ An 384 nhà, Thừa Thiên-Huế 687 nhà, Quảng Nam 361 nhà, Quảng Ngãi 307 nhà, Đồng nai 401 nhà và Tiền Giang 350 nhà. Các giai đoạn điều tra chi tiết lần và lần 3 đã tiến hành điều tra từ 10-20% tổng số của giai đoạn 1.

trung vào nhà ở của người Việt tại những khu vực đồng bằng chính của Việt Nam mà hoàn toàn chưa đề cập đến loại hình nhà ở của các dân tộc thiểu số, cũng như chưa đề cập đến những mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa dân tộc Kinh và các dân tộc khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam và với các vùng văn hóa lân cận.

Nghiên cứu này³ đã dựa trên việc phân tích tổng hợp 4287 tư liệu điền dã nêu trên, thông qua việc phân loại một cách hệ thống các hình thức vì kèo, kết hợp với những nghiên cứu về ý nghĩa của không gian và kết cấu, đặc trưng kỹ thuật, ngôn ngữ, so sánh giữa các địa phương, nhằm tìm ra những đặc trưng kiến trúc của nhà ở dân gian dân tộc Việt và tìm hiểu về nguồn gốc và sự phát triển của nó trong lịch sử. Một số kết quả nghiên cứu về nhà ở dân gian Việt Nam đã được công bố trên tạp chí nghiên cứu khoa học của Hiệp hội kiến trúc sư Nhật Bản (AIJ). Trong bài báo này sẽ tập trung thảo luận và đánh giá về những giá trị kiến trúc và nguồn gốc của các hình thức kiến trúc vì kèo của nhà dân gian trong bối cảnh lịch sử và văn hóa của Việt Nam.

2. Hiện trạng và một số đánh giá tổng quát về nhà ở dân gian

Đến nay sau mỗi lũy tre làng vẫn còn lưu giữ được một số lượng không nhỏ các công trình nhà ở cổ truyền được xây dựng bằng gỗ⁴. Chắc chắn rằng 4287 ngôi nhà nêu trên chưa phải là con số thống kê cuối cùng. Tuy nhiên, giống như các di sản kiến trúc khác tại Việt Nam, nhà ở dân gian cũng chịu những tác động không nhỏ của thời gian, lịch sử và chiến tranh. Đặc biệt, công cuộc “cải cách ruộng đất” đã đánh dấu một tác động không nhỏ đối với loại hình kiến trúc này. Thông qua một cuộc điều tra điển hình tại xã Phú Hữu (Ba Vì, Hà Tây), cho thấy cuộc “cải cách ruộng đất” đã làm mất đi hầu hết những khuôn viên nhà ở lớn nhất trong làng cũng như hơn 50% tổng số nhà ở được xây dựng bằng gỗ. Có thể nói, tại miền bắc, hầu hết các nhà ở của địa chủ, phú nông, những khuôn viên nhà ở lớn nhất trong làng đều đã bị phá dỡ hoặc bị chia cắt thành nhiều phần trong cải cách ruộng đất. Chính vì vậy, cho đến nay rất hiếm những nhà có qui mô lớn với một tổng thể nguyên vẹn như thời điểm xây dựng ban đầu, mà đa số là những ngôi nhà thuộc

³ Tác giả đã trực tiếp tham gia chương trình điều tra tại 10 tỉnh thành tại Việt Nam từ năm 1997-2002, kết hợp với những tư liệu điền dã của cá nhân để nghiên cứu và hoàn thành luận văn PhD về “*Lịch sử kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống dân tộc Việt*” tại trường Tokyo Metropolitan Universtiy.

⁴ Năm tiêu chí được đặt ra trong việc tuyển chọn các đối tượng điều tra tại mỗi địa điểm (tính theo đơn vị làng) là: (1) Những ngôi nhà cổ nhất, (2) Những ngôi nhà có cơ sở chắc chắn để xác định năm xây dựng như dấu tích trên câu đầu, thượng lương, gia phả, v.v... và có năm xây dựng trước 1945, (3) Những ngôi nhà có tình trạng bảo tồn tốt, (4) Những ngôi nhà có qui mô lớn và tổng thể hoàn thiện, (5) Những ngôi nhà có hình thức kiến trúc đặc biệt.

tầng lớp trung nông trở xuống. Đây là một sự cản trở cho nghiên cứu cũng như là một mất mát không nhỏ đối với loại hình di sản kiến trúc này.

Hiện nay, chủ yếu chỉ có *nhà chính* là được bảo tồn tương đối nguyên vẹn. Dưới tác động của thời gian vật liệu gỗ cũng bị ăn mòn và xuống cấp. Hơn 70% số nhà được điều tra đã được tiến hành sửa chữa đáng kể từ phía gia chủ như thu hẹp nhà, cắt bớt cột hoặc lắp ghép vì kèo. Không ít các gia đình hiện nay vẫn sinh hoạt trong những căn nhà nguyên gốc đã và đang xuống cấp nghiêm trọng.

Tại miền bắc chỉ có một số lượng rất ít những ngôi nhà được xây dựng vào thế kỷ 16 và 17 hiện còn tồn tại (chiếm dưới 5%), ngôi nhà cổ nhất được xác định chính xác năm xây dựng vào năm 1734 là ngôi nhà của dòng họ Nguyễn Thạc ở làng Đình Bảng⁵ (Tiên Sơn, Bắc Ninh). Ngoài ra, khoảng 10% tổng số được xây dựng trong thế kỷ 18, số còn lại được xây dựng trong thế kỷ 19 và nửa đầu của thế kỷ 20.

Tại miền trung và miền nam toàn bộ các ngôi nhà điều tra đều được xây dựng trong khoảng thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20. Trong đó, số lượng nhà xây dựng từ nửa sau thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20 chiếm hơn 70%. Tại Thừa Thiên-Huế, ngôi nhà của ông Nguyễn Hán (Kim Long, Tp Huế) xây dựng năm 1853 là ngôi nhà cổ nhất. Càng về phía nam, những ngôi nhà cổ nhất tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đồng Nai và Tiền Giang đều được xây dựng sau ngôi nhà tại Huế.

3. Kiến trúc nhóm nhà ở dân gian miền Bắc

Thông thường, nhà ở dân gian miền bắc được xây dựng kiểu hai mái với mặt bằng bố cục đối xứng và số gian lẻ (3, 5, 7), bao gồm ba *gian giữa* và hai *gian buồng* nằm về hai phía của *gian giữa*. Phía trước nhà thường có thêm một hàng *hiên* chạy dài suốt chiều ngang mặt đứng. Bên trong nhà, giữa *gian giữa* và hai *gian buồng* được ngăn cách bởi vách ngăn bằng gỗ (*bức thuận*), mặt hướng ra gian giữa được chạm trổ công phu. Phía trong cùng của gian giữa là nơi đặt bàn thờ tổ

⁵ Ngôi nhà này hiện là từ đường của dòng họ Nguyễn Thạc. Theo lời kể của gia chủ được xác minh thì ngôi nhà được làm để luyện tay thợ cho việc xây dựng đình Đình Bảng ở gần đó. Ngôi nhà có kiến trúc lớn bảy gian với kết cấu vì kèo được làm cẩn thận và kỹ xảo, nguyên gốc ngôi nhà này bao gồm hai nếp nhà bảy gian kế tiếp nhau, nhưng đến thời điểm điều tra nhà tiền tế đã bị phá dỡ. Hiện nay ngôi nhà đã trở thành di sản văn hóa quốc gia, được phía Nhật Bản hỗ trợ trùng tu và bảo tồn.

tiên⁶. Không gian hai bên và phía trước của bàn thờ được đặt các bộ phản hoặc bàn ghế là nơi tiếp khách và chỗ ngủ của chủ nhà.

Vì kèo là yếu tố cơ bản để tạo nên cấu trúc của một ngôi nhà. Mỗi bước cột có hai vì kèo nằm theo chiều sâu của nhà với cột được đặt trực tiếp lên chân đá tảng. Thông thường trong một vì kèo, *câu đầu* là ranh giới phân chia *vì thân* và *vì nóc*. Đối với *vì thân* có thể chia thành năm loại hình cơ bản dựa trên bố cục của các cột trong một vì kèo (hình 1). Bên cạnh đó, *vì nóc* cũng được chia thành bốn loại hình chính (hình 2).

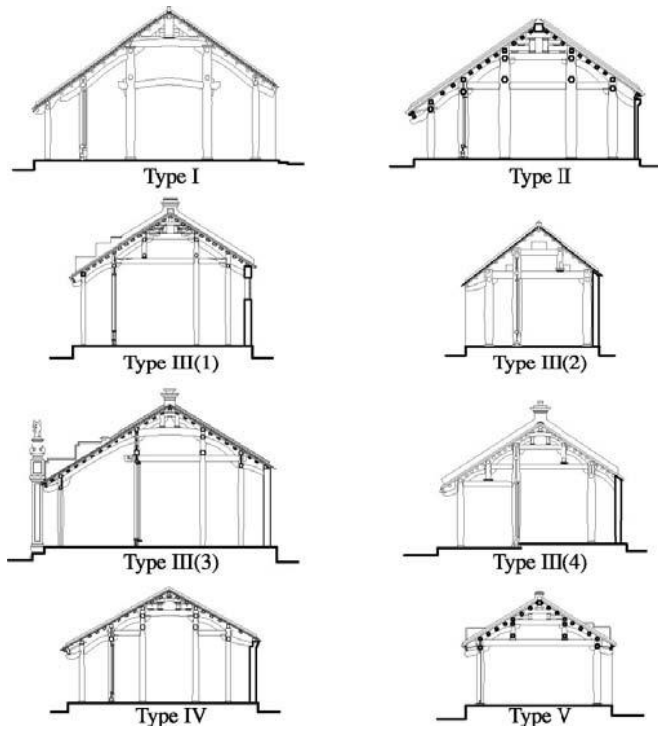
Sau khi phân tích tư liệu điền dã của 1700 ngôi nhà tại bốn tỉnh miền bắc (Bắc Ninh, Hà Tây, Nam Định và Thanh Hoá) có thể nêu lên một số đặc trưng kiến trúc của các hình thức vì kèo như sau:

Nhìn chung, *vì thân* loại 1 thường được xây dựng tại những ngôi nhà có qui mô lớn, với kích thước cột lớn (đường kính *cột cái* nằm trong khoảng từ 270~360mm), bước cột và bước gian rộng (chiều rộng giữa hai *cột cái* trong một vì kèo lớn hơn 2600mm). *Vì thân* loại này thường sử dụng những kỹ thuật kết cấu gỗ đơn giản, các thành phần cấu kiện có kích thước mập mập với hình dáng ít cách điệu và điêu khắc trang trí. Cấu tạo kiến trúc liên kết giữa *cột cái*, *kế ngói* và *câu đầu* được sử dụng kỹ thuật chông đê, ít sử dụng đến kỹ thuật xẻ mộng. *Vì thân* loại này có số lượng hiếm (dưới 10%), chỉ xuất hiện chủ yếu ở Bắc Ninh và một số ít tại Hà Tây. Có thể nói đây là hình thức ít phổ biến. Một số ngôi nhà có hình thức này có thể đã được xây dựng vào cuối thế kỷ 17 hoặc đầu thế kỷ 18 nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm thấy những cơ sở xác thực để chứng minh năm xây dựng này. Tuy nhiên, dựa trên những đánh giá về hiện trạng cũng như kỹ thuật kết cấu vẫn có thể kết luận đây là hình thức vì kèo cổ điển nhất của nhà ở dân gian miền bắc.

Khác với loại 1, *vì thân* loại 2 được xuất hiện khá phổ biến tại Bắc Ninh và Hà Tây. Hình thức này xuất hiện ở cả những ngôi nhà với qui mô lớn, vừa và nhỏ. Xét dưới góc độ kết cấu, loại hình này có cấu trúc ổn định hơn nhiều so với *vì thân* loại 1. Trên thực tế, *vì thân* loại 2 đã sử dụng cột có đường kính nhỏ hơn và dài hơn. Kể cả các thành phần cấu kiện khác (*kế ngói*, *xà*) cũng có kích thước mảnh mai hơn so với loại 1. Ngoài ra, ở đầu các cột đã sử dụng kỹ thuật xẻ mộng để liên kết *câu đầu*, *xà* và *kế ngói*. Mặc dù số liệu điều tra cho thấy một vài ngôi nhà được xây dựng trong thế kỷ 18, nhưng đa số chúng được xây dựng trong thế kỷ 19, và còn tồn tại cả đến nửa đầu thế kỷ 20. Rõ ràng, vì kèo loại 2 mang tính phổ cập và

⁶ Tại một số nhà bàn thờ được đặt ở cả ba gian của gian giữa.

được duy trì lâu hơn loại 1. Kết hợp những yếu tố trên và việc loại 2 đã sử dụng những kỹ thuật tiên tiến hơn loại 1 có thể kết luận rằng loại hình này đã được ra đời sau loại 1 và được phổ cập trong một khoảng thời gian dài.



Hình 1: Các loại vì thân của nhà ở dân gian miền bắc

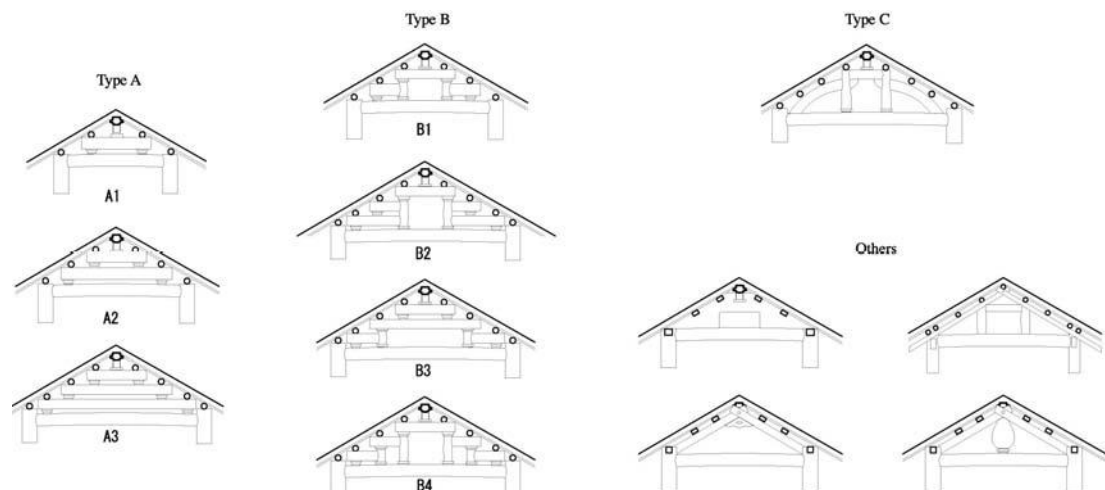
Vì thân loại 3, là hình thức vì kèo trôn cột, được xuất hiện phổ biến ở cả bốn tỉnh. Nhìn chung, vì *thân* loại này được xuất hiện trong những ngôi nhà với qui mô nhỏ. Việc trôn đi một hoặc hai cột trong một vì kèo, cũng như lược bớt một vài thanh *xà* đã thể hiện một bước tiến vượt bậc về mặt kỹ thuật kết cấu so với các hình thức loại 1 và loại 2. Dựa trên những số liệu điều tra về năm xây dựng, có thể cho rằng loại hình này bắt đầu được xây dựng phổ biến từ khoảng đầu thế kỷ 19.

Thông qua việc bỏ đi một số cột tại các vị trí khác nhau trong vì kèo loại 3, đã tạo nên những không gian phong phú. Cụ thể là, vì thân loại 3(1) với cấu trúc trôn một cột cái phía trước đã tạo nên một không gian rộng nằm trước bàn thờ tổ tiên ở *gian giữa*, tạo nên một không gian sinh hoạt và không gian tiến hành các nghi lễ gia đình được tiến hành thuận tiện hơn. Ngược lại, với cấu trúc trôn một cột cái phía sau, vì thân loại 3(2) đã mở rộng cho không gian đặt bàn thờ và nơi tiến hành nghi lễ. Trong trường hợp này xuất hiện sự ngăn cách rõ ràng giữa

không gian sinh hoạt và không gian thờ cúng, nghi lễ bằng hệ thống *cửa bức bàn* nằm ở hàng cột cái phía trước. Vì thân *loại 3(3)* với cấu trúc trôn một cột quân phía trước là hình thức chuyên tiếp trong quá trình hình thành khái niệm không gian của hai hình thức 3(1) và 3(2) nêu trên. Vì thân *loại 3(4)* với cấu trúc trôn một cột quân phía trước và một cột cái phía sau được xem như là hình thức hoàn thiện cuối cùng của quá trình phát triển này. Bên cạnh những yếu tố truyền thống, vì thân *loại 3* cũng được xem như là đại biểu của những hình thức kiến trúc mới. Cũng cần lưu ý rằng, tất cả những trường hợp có vì thân *loại này* đều được xây dựng với qui mô nhỏ, cũng như sử dụng nhiều chi tiết trang trí có niên đại muộn, đôi khi còn đơn giản hóa các chi tiết cấu kiện.

Vì thân *loại 4* cũng được xuất hiện ở cả bốn tỉnh điều tra, nhưng tại nơi nào cũng đều có số lượng ít hơn 5%. Nó thường được xây dựng tại những ngôi nhà có qui mô vừa phải. Việc lược bỏ *xà lòng* liên kết giữa hai cột cái trong vì kèo đã làm cho hình thức này có nét đặc trưng tương đồng với kiến trúc được sử dụng phổ biến trong các công trình tín ngưỡng công cộng như đình, đền, chùa. Trên thực tế, một số các ngôi nhà ban đầu được xây dựng với hình thức vì thân *loại 2* về sau khi chuyển đổi chức năng sử dụng từ nhà ở sang nhà thờ họ, hoặc khi trong nhà có người thi đỗ trạng nguyên họ đã tháo bỏ đi *xà lòng*. Cũng có không ít những ngôi nhà được xây dựng với vì thân *loại 4* ngay từ ban đầu, và được gọi là nhà *lòng thuyền*⁷. Cho đến nay chưa tìm thấy ngôi nhà nào thuộc *loại này* được xây dựng trước thế kỷ 19, đa số trường hợp sử dụng vì thân *loại này* ngay từ thời điểm ban đầu đều là những ngôi nhà được xây dựng trong khoảng cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20. Do đó, mặc dù hình thức này đã được phổ biến trong các công trình công cộng từ trước đó rất lâu, nhưng nó mới được du nhập và phổ cập trong kiến trúc nhà ở dân gian từ khoảng nửa sau thế kỷ 19, khi chế độ phong kiến cuối cùng ở nước ta bước vào giai đoạn suy thoái.

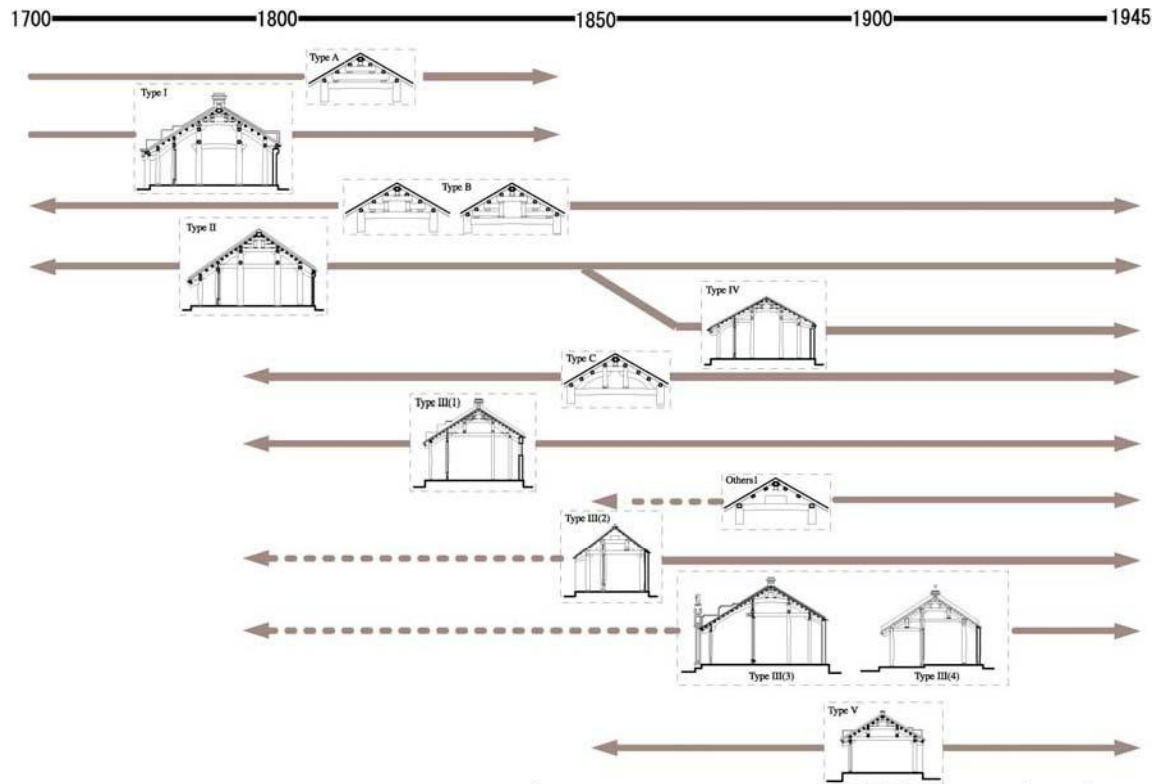
⁷ Theo những lời lưu truyền trong dân gian thì trước kia chỉ có vua và các quan triều đình mới được xây dựng nhà *lòng thuyền*.



Hình 2: Các hình thức vì nóc của nhà ở dân gian miền bắc

Tại Bắc Ninh và Hà Tây, vì thân loại 5 đa số được sử dụng để xây dựng *nhà tiền tế*⁸ hoặc *nhà thờ*. Thông thường chúng đều có qui mô nhỏ ba gian. Ngược lại, tại Nam Định và Thanh Hóa nó được xây dựng như những ngôi nhà ở năm gian thông thường. Điều này cho thấy, hình thức vì thân này đã được sử dụng để xây dựng những công trình có chức năng sử dụng khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay chưa tìm thấy trường hợp nào sử dụng loại vì thân này được xây dựng vào trước thế kỷ 19.

⁸ Tòa nhà nằm trước nhà thờ hoặc nhà chính.



Hình 3: Niên đại và quá trình phát triển của các loại vì kèo nhà ở dân gian miền bắc

Tóm lại, có thể khẳng định rằng vì thân loại 1 và loại 2 là những hình thức cổ truyền đặc trưng cho kiến trúc nhà ở dân gian miền bắc, chúng đã được sử dụng để xây dựng những ngôi nhà cổ với qui mô lớn, đa số chỉ thấy xuất hiện tại Bắc Ninh và Hà Tây. Bên cạnh đó, những hình thức vì kèo loại 3, loại 4 và loại 5 được coi như là những hình thức mới được xây dựng phổ cập ở Nam Định và Thanh Hóa, những nơi cho đến nay không tìm thấy dấu vết của các vì thân loại 1 và loại 2. Ngoài ra, tại Bắc Ninh, vì kèo loại 5 hầu như chỉ được sử dụng để xây dựng nhà *tiền tế* ba gian, trong khi đó tại Nam Định và Thanh Hóa lại được phổ cập để xây dựng nhà ở.

Hình 3 mô tả sự phát triển của các hình thức vì thân và sự kết hợp của nó với các loại hình vì nóc chính.

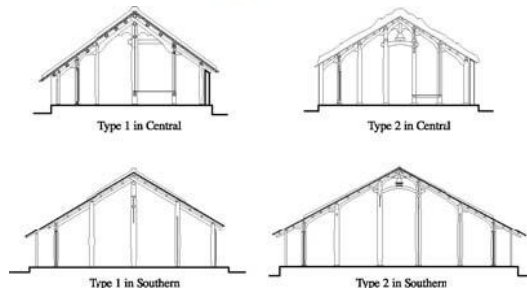
4. Kiến trúc nhóm nhà ở dân gian miền trung và miền Nam

Đặc trưng trong bố cục mặt bằng của nhà ở dân gian miền trung và miền nam là tổng thể nhà ở bao gồm nhiều nếp nhà được xây dựng với mái liền kề. Trong đó *nhà trên* là nơi đặt bàn thờ tổ tiên và *nhà dưới* là không gian dành cho sinh hoạt thường nhật. Tại miền trung, *nhà trên* và *nhà dưới* thường được bố cục vuông góc với nhau và cùng hướng về sân phơi phía trước nhà. Ngược lại, tại

miền nam, nhà trên và nhà dưới được bố cục thẳng hàng với nhau theo chiều ngang hoặc chiều dọc⁹. Giữa *nhà trên* và *nhà dưới* thường được nối với nhau bằng *nhà cầu*. Đa số các nhà được xây dựng với hình thức bốn mái có đầu hồi.

Qui mô của nhà ở miền trung và miền nam cũng lớn hơn nhiều so với miền bắc. *Nhà trên* thường có qui mô từ năm đến bảy gian và *nhà dưới* từ ba đến năm gian. Không gian nhà trên cũng được bố cục đối xứng bao gồm *gian giữa* là nơi đặt bàn thờ tổ tiên và các gian buồng hai bên là chỗ ngủ hoặc là kho chứa đồ. Tại miền nam, do vì kèo thường có bước cột lớn và chiều sâu của nhà gấp đôi so với các địa phương khác, nên mặt bằng thường được chia theo bố cục trước sau, nhưng vẫn đảm bảo tính đối xứng.

Khác với miền bắc, tại miền trung và miền nam đã sử dụng *kèo chông* tạo nên một cấu trúc vì kèo tính thống nhất (không chia thành *vì thân* và *vì nóc*). Đặc trưng của cấu trúc *kèo chông* đó là các thanh kèo được đặt nằm nghiêng theo chiều dốc của mái liên kết các đầu cột với nhau và đầu của thanh kèo nằm phía dưới được gác lên đầu của thanh kèo nằm phía trên



Hình 4: Các loại vì kèo của nhà ở dân gian miền Trung và miền Nam

Nét đặc trưng này đã được thể hiện thông qua chính tên gọi của nó.

Tại đây các hình thức vì kèo được chia thành hai loại chính (hình 4). Tuy nhiên hầu hết những ngôi nhà hiện còn tồn tại đều có niên đại muộn trong khoảng từ nửa sau thế kỷ 19 cho đến nửa đầu thế kỷ 20. Mặc dù cuộc điều tra đã được tiến hành trên một không gian rộng từ Thừa Thiên-Huế cho đến Tiền Giang với tổng số 2016 ngôi nhà, nhưng đã không tìm thấy các hình thức vì kèo đa dạng như ở miền bắc. Tuy nhiên, khi kết hợp phân tích dưới góc độ ngôn ngữ, ý nghĩa và chi

⁹ Trường hợp thứ nhất được gọi là bố cục *chữ đình* vì *đòn đông* của nhà trên và nhà dưới được nằm vuông góc với nhau. Trường hợp thứ hai gọi là bố cục *sấp đọi* vì *đòn đông* của nhà trên và nhà dưới được nằm song song với nhau.